

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/UBND - TNMT

Về việc thực hiện đấu giá
quyền sử dụng đất năm 2018

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 01 năm 2018

Kính gửi:

- UBND các xã, thị trấn;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện ;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ngày 29/12/2017, UBND tỉnh Quảng Bình đã phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Quảng Ninh theo Quyết định số 4777/QĐ-UBND. Để triển khai Kế hoạch sử dụng đất hiệu quả, UBND huyện đề nghị UBND các xã, thị trấn và ngành liên quan thực hiện các nội dung sau:

1. Đối với UBND các xã, thị trấn trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất của huyện Quảng Ninh năm 2018 được phê duyệt thực hiện Hợp đồng với đơn vị tư vấn đủ tư cách pháp nhân thực hiện trích lục, trích đo chính lý khu đất, thửa đất trên cơ sở lập sơ đồ phân lô chi tiết các thửa đất, phê duyệt theo đúng quy định. Đối với các khu đất, thửa đất có diện tích lớn phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc đã có bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn thì phải kiểm tra, chỉnh lý và biên tập lại nội dung theo quy định về bản đồ địa chính. Sau khi trích đo (trích lục đối với thửa đất khu đất đã có bản đồ địa chính) được phê duyệt UBND các xã, thị trấn lập hồ sơ trình thu hồi, chuyển mục đích, giao đất quản lý theo thẩm quyền để tổ chức đấu giá theo quy định.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện chủ động phối hợp với các xã, thị trấn trong quá trình tạo lập quỹ đất và ký kết kịp thời công tác lập phương án Giải phóng mặt bằng (đối với các khu đất, thửa đất phải giải phóng mặt bằng) theo kế hoạch sử dụng đất năm 2018; hỗ trợ lập phương án đấu giá quyền sử dụng đất cho các xã, thị trấn trình UBND huyện phê duyệt.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường kịp thời thẩm định phương án Giải phóng mặt bằng, phương án đấu giá quyền sử dụng đất tham mưu UBND huyện phê duyệt phương án, thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích... theo thẩm quyền. Trường hợp thẩm quyền cấp tỉnh thì phối hợp các xã, thị trấn tham mưu trình UBND tỉnh, Sở Tài nguyên Môi trường giải quyết kịp thời theo đúng quy định.

Về lựa chọn nhà thầu định giá đất đấu giá phải kịp thời đầy đủ về thủ tục, đúng chức năng nhiệm vụ tạo thuận lợi cho các tổ chức tư vấn thực hiện phù hợp với thực tế địa phương.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường theo chức năng kịp thời tham mưu UBND huyện phê duyệt giá cụ thể, giá khởi điểm các thửa đất, khu đất đưa ra đấu giá quyền sử dụng sau khi được Hội đồng thẩm định giá thẩm định thông qua, cân đối nguồn vốn thẩm định giá thu từ tiền thu đấu giá đúng quy định để thực hiện.

5. Kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị thuộc sở, Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Quảng Ninh, các đơn vị tư vấn hỗ trợ, bố trí nhân lực thực hiện công tác trích đo, trích lục, phân lô khu đất, thửa đất, công tác thu hồi, chuyển mục đích, giao đất cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện để kịp thời đấu giá quyền sử dụng đất, thu ngân sách 2018 theo kế hoạch giao.

(Kèm theo danh mục công trình, dự án (Hạng mục đất ở) thực hiện trong năm 2018 của huyện Quảng Ninh)

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT UBND huyện (B/c);
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Thụ

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐẦU TƯ MỤC ĐẤT Ở (BAO GỒM CÁ KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI) THỰC HIỆN TRONG NĂM 2018 HUYỆN QUẢNG NINH



Thứ tự	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích (ha)	Đất nông nghiệp				Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
			LUC	RPH	RDD	Các loại đất khác		
1.2	Đất ở tại nông thôn các xã	86,05	9,50	4,80	64,02	1,87	5,86	
1.2.1	Khu nhà ở thương mại thôn Hà Thiệp - Bắc Ninh	9,53		3,58	5,95	0,00		
1.2.2	Dự án Khu đô thị Đình Mười (các lô OM44, OM46, OM 411)	8,30			8,30			
1.2.3	Dự án khu dân cư Hà Thiệp - Bắc Ninh	3,31		1,22	1,50		0,59	
1.2.4	Dự án tạo quỹ đất ở Đình Mười ngoài phạm vi dự án nhà ở thương mại	7,50			7,40	0,10		
1.2.5	Khu nhà ở thương mại thôn Đình Mười (III)	9,89			6,69		3,20	
1.2.6	Đất ở tại nông thôn (Khu dân cư Tây Nam Tân Định, Khu dân cư Tây thôn Hiến Trung, Khu dân cư Tây thôn Xuân Hải, Khu dân cư phía Đông thôn Xuân Hải-Cửa Thôn, Khu dân cư Tây thôn Tân Hải) (CT từ KH.2017)	23,20			23,09	0,00	0,11	
1.2.7	Dự án tạo quỹ đất ở thôn Phú Cát	3,10			2,93		0,17	
1.2.8	Đất ở tại nông thôn (thôn Thống Nhất, Hoành Vinh, Cao Xuân, Kim Nại)	1,62	0,57		1,00	0,05		
1.2.9	Đất ở nông thôn (thôn Hiến Lộc, vùng Cồn Khe, thôn Hiến Vinh, thôn Tả Phan)	1,94	1,40		0,06	0,04	0,44	
1.2.10	Đất ở nông thôn (thôn Bắc Ngụ, thôn Bình An, thôn Phú Lộc)	1,56	0,66		0,48	0,42		
1.2.11	Đất ở nông thôn (thôn Quyết Tiến, thôn Hàm Hoà, thôn Trần Xá, thôn Hà Kiên, thôn Trường Niềm)	1,98	1,65		0,10	0,20	0,03	
1.2.12	Đất ở nông thôn (thôn Long Đại, thôn Trường Dục, thôn Nam Cổ Hiến, thôn Đông Tư, thôn Đông Cổ Hiến, thôn Bắc Cổ Hiến)	2,11	1,50		0,32	0,24	0,05	
1.2.13	Đất ở nông thôn (vùng Ruộng Nhái, thôn Văn La, vùng Lý Giữa Trống, Ngõ Mụ Rượng)	2,09	0,88		0,82	0,20	0,19	

Thứ tự	Tên công trình	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Tổng diện tích (ha)	Đất nông nghiệp			Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
				LƯC	RPH	RDD		
1.2.14	Đất ở nông thôn (thôn Quảng Xã, thôn Nguyễn Áng, thôn Hoà Bình)	Xã Tân Ninh	2,13	1,30		0,70	0,13	
1.2.15	Đất ở tại nông thôn	Xã Trường Sơn	1,20	0,02		0,93		0,25
1.2.16	Đất ở nông thôn (thôn Rào Trù, Quyết Thắng, Khe Ngang, Bắc Kim Sen)	Xã Trường Xuân	1,02	0,12		0,73		0,17
1.2.17	Đất ở tại nông thôn	Xã Vạn Ninh	2,03	0,03		1,34	0,34	0,32
1.2.18	Đất ở nông thôn (thôn Lê Kỳ 1, Lê Kỳ 2, Vinh Tuy 1, Vinh Tuy 2)	Xã Vinh Ninh	0,73	0,05		0,59	0,05	0,04
1.2.19	Đất ở nông thôn (thôn Hà Thiệp, thôn Trúc Lý, thôn Tây, thôn Trung, thôn Tiên, thôn Thượng, thôn Hữu Hậu)	Xã Vô Ninh	1,61	0,39		0,91	0,09	0,22
1.2.20	Đất ở nông thôn (thôn Xuân Dục, Lộc Long, Phúc Mỹ)	Xã Xuân Ninh	1,20	0,93		0,18	0,01	0,08
1.3	Đất ở tại đô thị		32,84	14,89		11,40	3,03	3,52
1.3.1	Khu nhà ở thương mại tại vùng Ruộng Nhất (CT từ KH.2017)	TT Quán Hâu	8,02	3,61			2,35	2,06
1.3.2	Dự án tạo quỹ đất ở vùng Đồng Hàng (CT từ KH.2017)	TT Quán Hâu	6,30	2,00			3,63	0,67
1.3.3	Khu nhà ở thương mại Đá Lã (CT từ KH.2017)	TT Quán Hâu	6,52				5,05	0,01
1.3.4	Dự án tạo quỹ đất ở phía Tây Nam thị trấn Quán Hâu	TT Quán Hâu	12,00	9,28			2,72	0,00

2